TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: **323**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 8 năm 2024
Về Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nghiệp, ông Nguyễn Thế Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 407/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 443/2024/QĐHPT-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Linh P, sinh năm 2004; nơi cư trú: Tổ X, ấp A, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ Y, ấp T, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Linh P và ông Nguyễn Văn T là do thông qua mai mối, được hai bên gia đình đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang (Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 29/4/2022). Trong thời kỳ hôn nhân, bà P và ông T có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 29/01/2022. Hiện cháu Y đang sống cùng ông T.

Theo bà P, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông T thường ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường cãi vả, không tìm được tiếng nói chung. Bà P nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T không sửa đổi. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P xin được ly hôn. Đồng ý để ông T được tiếp tục nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Ông T cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian ông đi làm bà P ở nhà có qua lại điện thoại với người khác trên mạng xã hội, ông bỏ qua nhiều lần vì con nhưng bà P không thay đổi và từ đó vợ chồng xảy ra gây cãi nhau. Sau đó bà P bỏ đi làm xa, ông vì bận đi làm kiếm tiền nuôi con nên không tìm bà P, vợ chồng từ đó ly thân. Tuy nhiên, ông T cũng xác định ông vẫn còn tình cảm với bà P và muốn hàn gắn vì con nên ông không đồng ý ly hôn.

Theo Biên bản hòa giải ngày 17/6/2024 thì bà P xin được ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn và xin trong một tháng để hàn gắn.

Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn, theo trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu ngày 15/7/2024 thì giữa ông T và bà P có xảy ra cãi vả và có khi hành hung nhau. Hiện ông T và bà P đã sống ly thân.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà P, ông T; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà P và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị chấp nhân yêu cầu xin ly hôn của bà P. Về con chung, đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Y cho ông T trực tiếp nuôi dạy, công nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Linh P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T và đồng ý để ông T được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung". Bị đơn ông Nguyễn Văn T hiện cư trú xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà P vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Như vậy các đương sự đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng, nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà P và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Xét yêu cầu của bà P xin ly hôn với ông T, xét thấy giữa bà P và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân, thời gian ly thân không có giải pháp hàn gắn. Việc này phù hợp với kết quả xác minh. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã hòa giải đoàn tụ nhưng bà P kiên quyết xin ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà P và ông T đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P là phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà P và ông T có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 29/01/2022. Mắc dù cháu Y chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng từ trước nay cháu Y được ông T nuôi dạy, bà P cũng thống nhất giao cháu Y cho ông T tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc. Từ đó cho thấy điều kiện nuôi con của ông T được đảm bảo, đồng thời nhằm tránh ảnh hưởng tâm sinh lý, sự phát triển bình thường của cháu Y, nên giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Y cho ông T trực tiếp nuôi dạy sau ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên ông T không yêu cầu cấp dưỡng nên công nhận sự tự nguyện này của ông T.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P và ông T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Linh P,

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Linh P được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Ông T được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 29/01/2022. Bà Nguyễn Thị Linh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà P và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của ông T. Ngược lại, ông T và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà P.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Linh P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo biên lai thu số 0009427 ngày 09/5/2024. (Bà P đã nộp đủ).

Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Thời hạn kháng cáo của bà P và ông T là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Khánh An (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Sáu